

# TÌM HIỂU THƠ XUÂN DIỆU QUA NGHỆ THUẬT SÁNG TẠO TỨ THƠ

ThS. VŨ THỊ THU HƯƠNG\*

**Abstract:** The article studies the art to create poetical ideas in Xuan Dieu's poems. It focuses on two kinds of poetical ideas, one of which is originated from life and the other from system of artistic thoughts by the author. Poetical ideas reflect the author's talent in the process of creating poems, the way to discover reality and the ability to generalize, points of view and the taste for beauty of the poet.

**Keywords:** Xuan Dieu, Xuan Dieu'Poems, Poetical ideas in Xuan Dieu' Poems.

Ngày nhận bài: 18/03/2016; ngày sửa chữa: 22/03/2016; ngày duyệt đăng: 22/03/2016.

Xuân Diệu là một nhà thơ lớn, một gương mặt văn hóa tiêu biểu của dân tộc trong thế kỉ XX. Ông cũng là tác gia lớn được đưa vào giảng dạy trong chương trình giáo dục phổ thông và đại học. Để nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng và thẩm mĩ, cần đi sâu tìm hiểu những nét đặc sắc cả về nội dung và nghệ thuật, để thấy được cái đẹp trong thơ ông. Nghệ thuật sáng tạo tứ thơ là một trong những phương diện thể hiện tài năng đa dạng, phong phú của một tác giả có cá tính sáng tạo độc đáo như Xuân Diệu.

Xuân Diệu có một tiểu luận riêng bàn về tứ thơ: Ông nhấn mạnh: “Lao động thơ trước hết là kiếm tứ... Ngôn từ, lời, chữ, vẫn rất quan trọng, bởi là nghệ thuật của ngôn ngữ. Tuy nhiên, đó là cái quan trọng thứ hai, mà cái quan trọng thứ nhất, làm rường cột cho tất cả là cái tứ thơ, nó chủ đạo cả bài. Làm thơ khó nhất là tìm tứ” [1; tr118].

Xuân Diệu luôn suy nghĩ, từ những sự kiện của đời sống, rút ra ý, rồi từ ý ấy nhào nặn ở một trình độ cao hơn: xây dựng tứ thơ. Có những tứ thơ được sự gợi ý của đời sống, có những tứ thơ phải tìm, phải kiếm, có những tứ thơ hình thành từ tư duy nghệ thuật của nhà thơ. Các bài thơ đều có kết cấu đối, chặt chẽ, đem lại xúc động mạnh cho người đọc và những tứ thơ ấy cũng bộc lộ tài năng trong quá trình sáng tạo thơ, cách khám phá hiện thực và khả năng khái quát, quan điểm và thị hiếu thẩm mĩ của nhà thơ. Tìm hiểu thơ Xuân Diệu, chúng tôi thấy các tứ thơ được hình thành chủ yếu theo hai phương thức sau:

## 1. Tứ thơ hình thành từ cuộc sống

Từ cuộc sống toát ra ý và nhà thơ rung động cùng với ngôn ngữ, nhịp điệu, âm thanh, hình ảnh, tái tạo thành tứ thơ. Cuộc sống gợi ý cho việc xây dựng tứ thơ. Chúng tôi chú ý đầu tiên tới bài **Sa Pa** (tập **Một khối hồng**), một bài thơ ca ngợi cảnh vật, sự việc thiên nhiên bằng một cảm xúc mới: *Sa Pa hè mát hơn thu/Chỉ làn không khí cũng ru dịu người*.

Không gian mát dịu thanh sạch “trời đất nhẹ, nước non xanh” ưu đãi con người. Lần đầu được đến Sa Pa, với nhà thơ cảnh nào cũng đẹp, cũng lạ, vật nào cũng hấp dẫn: *Phăng Xi Păng! Biết bác rồi! Bác xanh như thế đến trời cũng thua!... Rể thông ngủ giấc ngàn niên / Tay người nâng dậy cất nên hương lừng*. Đào nhiều tưởng chừng lạc lối đào nguyên, đồng bào áo chàm đến lớp học chữ, núi khe nhà cửa cheo leo. Tác giả thăm vườn cây lấy hạt, rau tươi bốn mùa, thăm hoa, thăm đá, thăm Cầu Mây vắt giữa trời,...; và bài thơ kết lại, cũng là kết thúc tứ thơ: *Sa Pa nhẹ đất thơm trời / Hè nung tắt lửa, hồn người thanh thanh*.

Sa Pa là thế. Thiên nhiên ban tặng cho con người là thế. Xây dựng tứ thơ thể hiện trực tiếp tầm suy nghĩ và tài năng của nhà thơ. Dẫn chứng trên, cho thấy suy nghĩ và tài năng ấy được hình thành phụ thuộc rất nhiều vào bản thân cuộc sống, vào thái độ sống của nhà thơ.

Nếu bài **Sa Pa** ca ngợi thiên nhiên thì bài **Chào thầy giáo Phụng** (tập **Một khối hồng**) lại ca ngợi con người, ca ngợi đồng bào miền xuôi lên xây dựng miền núi. Có ý rồi; và có thể ý này nhiều người nghĩ tới. Nhưng cái khó là xây dựng tứ thơ, hình tượng hóa cái ý ấy sao cho độc đáo, riêng của cá nhân nghệ sĩ. Ông gặp một số người lên Sa Pa nghỉ mát, họ kể trên bản Mèo có thầy giáo Phụng, thầy giáo rất vui khi gặp và trò chuyện với họ. Nhà thơ “Ồ rê ka! Tìm thấy rồi! Tôi tự reo thầm với mình như thế, tôi đã vớ được tứ thơ rồi! Ngày mai bản thân tôi sẽ lặn ngòi lội suối tự đi lên bản Mèo để mà Chào thầy giáo Phụng” [1; tr120] Ông thấy tìm được tứ, ca ngợi qua một thầy giáo người Kinh lên dạy học ở quê hương mới thì dễ viết hơn và đảm bảo hơn. Bài thơ xoay quanh sự chào, tiếng chào, cách chào, thì sáng hẳn lên. Trong thực tế, nhà thơ đã lên thăm thầy giáo Phụng trên bản Mèo, chào

\* Trưởng Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội

thầy giáo người Kinh duy nhất lúc ấy lên trên cheo leo ấy dạy chữ cho con em người dân tộc. Mở đầu bài thơ: *Đi qua Thác Bạc, Cầu Mây / Tự xa tôi đến nơi này chào anh*. Tiếp đến là ba lời chào dưới ba khía cạnh: Một là chào anh lên đây “ba cùng” với đồng bào Mèo: *Chào thầy giáo Phụng tuổi xanh / Cách quê Tiên Hải Thái Bình bốn năm...*; hai là chào anh vượt khó, chịu khổ, dạy sáu, tám em nhỏ cả lớp hai, lớp ba: *Chào thầy giáo Phụng ân cần / Trường anh vách gỗ tình thân như nhà...*; ba là chào cái tinh thần cần mẫn dạy dỗ: *Chào thầy giáo Phụng mến thương / Mùa đông công quá dễ thường nước đông / Dân yêu nên thật ấm lòng / Chữ trên bảng viết như dòng nước khe*. Sau ba lần chào là kết, tứ thơ kết thúc: *Đi qua Thác Bạc, Cầu Mây / Tự xuôi tôi đến nơi này chào anh*. Bài thơ hoàn chỉnh, kết cấu toàn bài chặt, nhờ tứ thất lại.

Bài thơ tiếp theo **Mã Pí Lèng** (tập **Một khối hồng**), cũng viết về miền núi, ca ngợi thiên nhiên đẹp hùng tráng nên thơ và con người dũng cảm sáng tạo. Những hình ảnh, nhịp điệu có sẵn trong thực tế được chọn lọc, nâng cao có tính tạo hình. Thiên nhiên hiểm trở cheo leo, tạo cho thơ một hình tượng độc đáo. Và con người, lớp trẻ, khỏe, thể hiện trong không khí lao động khẩn trương của thanh niên xung phong mở đường Mã Pí Lèng (Sống mũi ngựa): *Mã Pí Lèng, danh bất hư truyền / Sống mũi ngựa, núi cao thẳng đứng / Núi điệp trùng núi tỏa bốn bên / Đá gan trâu gãy chòong, đá cứng / Sương mù dưới vực vút bay lên / Bạc lán màu mây mờ đỉnh dựng!*

Các chi tiết, ngôn từ đều phục vụ đắc lực cho tứ thơ phát triển để cuối cùng ý thơ được lộ ra trong vẻ đẹp hoàn chỉnh. Như vậy tứ thơ chi phối cả bài, nó quy định điểm mở đầu và nơi kết thúc, nó định hình cho bài thơ. Ba bài thơ đều có ý, có tinh thần ca ngợi: ca ngợi con người, ca ngợi thiên nhiên đất nước, nhưng mỗi bài có tư riêng, thần thái riêng, sáng tạo riêng.

Chúng ta khảo sát bài **Hồ Rít xa** (tập **Hồn tôi đôi cánh**) của Xuân Diệu sẽ thấy cái lẻ loi đơn chiếc của nhà thơ, bằng một tứ thơ tài tình. Thiên nhiên gợi hứng. Một sáng thăm hồ, cảnh đẹp. Thường tình người ta nghĩ tới niềm vui, trước non nước bao la trong sạch “*Cuối thu vàng núi quanh bờ*”, nghĩ tới lứa đôi thăm thiết giao hòa cùng cảnh vật: *Hồ xanh như ngọc như hoa / Nước xanh êm một, mà ta êm mười / Hai ta: dưới nước, trên trời / Tàu con rẽ sóng giữa chơi với hồ ... Em cười đôi ngọc mắt đen / Nửa in sắc nước nửa chen sắc trời*. Niềm vui tưởng đã thân tiên, viên mãn, nhưng hai câu cuối bài: *Đấy là anh tưởng tượng thôi / Nước ơi, chỉ một mình tôi ngắm hồ*

Câu kết bất ngờ, tập trung gân cốt bài thơ, làm

thành điểm sáng của tứ thơ. Và ý của bài thơ càng đậm càng sâu, một sự đối lập nghiệt ngã: cái vui dào dạt hạnh phúc đắm say với cái đơn lẻ “một mình” tội nghiệp. Nói về nỗi cô đơn như thế thật thấm thía, xót xa.

## 2. Tứ thơ hình thành từ tư duy nghệ thuật của nhà thơ

Không đơn thuần chỉ là do suy nghĩ, tư duy mà vẫn có tác động tương thông với cuộc đời, xã hội. Nhưng nói tứ thơ hình thành từ tư duy nghệ thuật là nhằm nhấn mạnh đến ý thức chủ quan của nghệ sĩ trong những trạng thái, những khoảnh khắc nhất định. **Nguyệt cầm, Lời kĩ nữ** (tập **Gửi hương cho gió**), đều biểu hiện cái tôi cô đơn, lạnh lẽo, rợn ngợp.

Ở **Nguyệt cầm**, chúng ta chú ý đến sự cộng hưởng của ánh sáng, âm thanh. Ánh sáng là ánh trăng đêm thủy tinh, là biển pha lê, là sương bạc, ánh sao khuê. Âm thanh là tiếng đàn, tiếng vang của sỏi, và có thể là cả tiếng vang rung của lòng người, của “chiếc đảo hồn tôi” lạnh buồn tê tái. Âm thanh, màu sắc, nhịp điệu hòa vào nhau, lan truyền tới tận cùng của mọi giác quan nghệ sĩ và người đọc cũng không thoát ra được: *Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh / Trăng thương, trăng nhớ, hơi trăng ngân! / Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm / Mỗi giọt rơi buồn như lệ ngân... hay Mây vắng trời trong đêm thủy tinh / Linh lung bóng sáng bỗng rung mình... rồi Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời / Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi và Bốn bề ánh nhạc biển pha lê / Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề...*

Bài thơ đậm chất tượng trưng này khó mà diễn giải chính xác. Nhạc điệu trong và lạnh, sang trọng như linh thiêng. Chúng ta cảm được, rung động được và cũng nhận được cái rùng mình ghê lạnh: trăng nhập vào dây cung đàn lạnh, tiếng đàn rơi từng giọt như lệ ngân, đàn ghê như nước, trời đêm trong suốt trắng càng sáng lạnh. Bốn bề ánh sáng, âm thanh đều buốt giá, thị giác, xúc giác, cảm giác cùng lúc rùng mình ớn lạnh đạt tới đỉnh cao: “*Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê*”. Nhà thơ ý thức, cảm nhận từ trong tâm hồn mình về sự cô đơn lạnh vắng và đã thể hiện bằng một tứ thơ đầy biến ảo.

Vẫn bộc lộ nỗi cô đơn, ở **Lời kĩ nữ** được cấu tứ theo cách khác, theo mạch tự sự của nhân vật trữ tình, người kĩ nữ. Người kĩ nữ chính là sự hóa thân của nhà thơ. Nhà thơ nhập vai người kĩ nữ, cái tôi nghệ thuật hóa ấy bộc bạch những khao khát được giao cảm với đời, với người, nhưng chỉ nhận được sự xa lánh lạnh lùng nên càng cô đơn, trống vắng, chơi vơi, ớn lạnh. Bao trùm cả bài thơ là cô đơn. Bài thơ mở đầu bằng lời mời, khẩn cầu, níu giữ của người kĩ nữ: *Khách ngời*

lại cùng em trong chốc nữa/Vội vàng chi trắng sáng quá khách ơi/Đêm nay rằm: yến tiệc sáng trên trời/ Khách không ở, lòng em cô độc quá. Đúng là van xin dâng hiến: “Tay em đây ... Đây rượu nồng. Và hồn của em đây. Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử”, tha thiết và tủi cực: “Chớ đập hồn em”; run rẩy tội nghiệp: “Em sợ lắm. Giá bằng tràn mọi nẻo / Trời đầy trăng lạnh lẽo buốt xương da”. Lời khẩn cầu đến đỗi lệ: “Lời kĩ nữ đã vỡ vì nước mắt”. Nhưng cuối cùng không chút hi vọng: *Xao xác canh gà trắng ngà lạnh buốt / Mắt run mờ kĩ nữ thấy sông trôi / Du khách đi - Du khách đã đi rồi.*

Huy Cận nhận xét **Lời kĩ nữ**: “Là một bài thơ chất chứa tình cảm sâu và tư tưởng lớn của Xuân Diệu, đặc biệt là sự cô đơn, cô đơn đến mức không tự mình chịu đựng nổi, nhưng không thể tìm được sự chia sẻ”. Cô đơn và lạnh buốt, cô đơn đến tận cùng không nơi bầu vịu. Tứ thơ đã điều hành ngôn từ, hình ảnh, vần điệu, nhịp điệu, để tô đậm ý thơ. **Lời kĩ nữ** thực sự là đỉnh điểm của sự cô đơn, và sự khao khát sẻ chia chỉ có thể có được trong một môi trường, một hoàn cảnh mới của xã hội.

Sau này nhà thơ hòa vào cuộc sống lớn của nhân dân, “chặt cái bụi ngừ” và xây dựng tứ thơ mang tâm thế, tâm trạng chủ động. Từ bao nhiêu cảnh ngộ đau thương tủi cực trong xã hội cũ, những hình ảnh tươi vui của cuộc đời mới, Xuân Diệu hoàn thành bài **Lệ** (tập **Riêng Chung**): “Xưa lệ sa, ta oán hận đất trời. Nay lệ hòa, ta lại thấy đời tươi!”. Đặc biệt là hai bài: **Sự sống chẳng bao giờ chán nản** và **Quả sấu non trên cao** (tập **Tôi giàu đôi mắt**). Bằng thực tế, chất liệu phong phú, bề bộn, Xuân Diệu khái quát: *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*. Đó là những suy nghĩ tích cực về cuộc sống. Cuộc sống thuộc về chúng ta, cái chết là ở phía kẻ thù. Cái ý nghĩa triết học sâu sắc ấy được nhà thơ triển khai qua nhiều bậc thang nhận thức, bằng những hình ảnh sinh động. Song song đối lập giữa ta và địch, các chi tiết xác thực minh chứng sức sống của ta: ta là sự sống, và giặc Mĩ - là cái chết - dù có trá hình vẫn là cái chết. Tinh thần lạc quan của nhà thơ có cội nguồn từ tư tưởng thời đại và được in sâu bền vững trong ý thức mỗi người Việt Nam trong những năm chống Mĩ cứu nước gian khổ nhưng tự tin, tự hào: “Chúng ta chính là sự sống”. Tứ thơ vận động mang tính khái quát: giặc Mĩ gây tội ác nhưng “sự sống chẳng bao giờ chán nản”, sự sống vẫn phát triển bền vững, vĩnh hằng: *Nhất định chúng ta gìn giữ nhóm nhen sự sống / Vẫn cứ nở hoa, chim kêu, cuộc đời lồng lộng / Nhất định trời cao đất rộng còn vui nắng sớm mây trưa... Quả sấu non trên cao* tiếp tục tư

tưởng ý nghĩa triết lí như bài thơ trên, vẫn giàu suy ngẫm chiêm nghiệm. Bài thơ được cấu tứ trên nền cảm xúc liền mạch. Mở đầu là những quan sát tinh tế hình ảnh chùm quả sấu non: *Mấy quả sấu con con / Như mấy chiếc khuy lục / Trên áo trời xanh non*. Trời rộng vô cùng, mấy quả sấu non càng nhỏ. Giữa cái vô biên của bầu trời, mấy quả sấu non hồn nhiên, vô tư giỡn cùng mây trắng. Đó là tả, là kể cụ thể, tỉ mỉ hình ảnh mấy quả sấu non. Các khổ thơ tiếp theo, chuyển sang cảm nhận sự hình thành của chùm quả sấu, sự kỳ diệu của sinh thành, của sự sống: *Mấy hôm trước còn hoa / Mới thơm đây ngào ngạt / Thoáng như một nghi ngờ / Trái đã liền có thật và một chút ngỡ ngàng: Ôi! Từ không đến có / Xảy ra như thế nào?*

Đến đây chất suy ngẫm triết lí bộc lộ rõ: từ không đến có, từ hoa thành quả, diễn ra như thế nào? Sự sống cứ tồn tại, phát triển bền bỉ vượt lên mọi sự tàn phá của thời gian, của kẻ thù sự sống, đúng là “sự sống chẳng bao giờ chán nản”: *Trái non như thách thức / Trăm thứ giặc thứ sâu / Thách kẻ thù sự sống / Phá đời không để đâu*. Như vậy tứ thơ vận động làm rõ ý của bài: sự sống phát triển theo quy luật tuần hoàn bền vững thường tình “thách kẻ thù sự sống”, sự sống là bất diệt.

Chúng ta có thể nhận ra một số bài thơ khác của Xuân Diệu được hình thành, ổn định mang nét riêng là nhờ có tứ. Tất nhiên không phải bài thơ nào cũng có tứ, nhiều bài thơ của Xuân Diệu không có tứ nhưng vẫn hay, đặc sắc, lại nhờ ở phẩm chất khác: hình tượng có sức lay động, tình cảm dạt dào, âm điệu lời cuốn, câu chữ, nhịp điệu biến hóa tài tình, ... Nhưng thông thường những bài thơ có tứ để lại những ấn tượng tư tưởng sâu đậm và về kết cấu, bài thơ có sự nhất quán tổng thể.

*Kết cấu toàn bài* là điều Xuân Diệu rất chú ý. Nhiều bài thơ của ông rất chặt chẽ, cân đối, mở ra và kết lại có sự hô ứng, nâng đỡ nhau. Với ông, “Trong một bài thơ, cũng như trong một bức tranh, tất cả các nét đều phục tùng cái ý chung của toàn bài, đều ở trong một từ trường mà người điều khiển là thi sĩ” [1; tr 161]. Điều này tỏ ra Xuân Diệu mới, nhưng vẫn không đoạn tuyệt với truyền thống. Thơ cổ Trung Hoa (thơ Đường), thơ cổ Việt Nam, kết cấu theo một khung vững chắc. Tứ tuyệt hay bát cú phải đủ: *đề - thực - luận - kết*, và triển khai theo hướng *khai - thừa - chuyển - hợp*,... Thơ Xuân Diệu không vững chắc như thế. Thơ Xuân Diệu là Thơ Mới - mới về tâm hồn, về thể cách, nhưng thể cách vẫn vững vàng. Mỗi bài thơ của ông là một kết cấu toàn vẹn, một chỉnh thể nghệ thuật: **Yêu, Phải nói, Mời yêu, Giục giã, Tình thứ nhất, Sương mờ,**

**Yêu mến, Ngồi mới, Mũi Cà Mau, Biển, Chào thầy giáo Phụng, Những đêm hành quân, ...**

Nhiều bài thơ của Xuân Diệu kết cấu theo lối “vòng tròn”, câu cuối khổ cuối lặp lại câu đầu khổ đầu, gói bài thơ lại. Cách thao tác thường gặp là lấy lại câu thơ, nhấn mạnh ý, chủ đề bài thơ. Bài **Yêu** (tập **Thơ thơ**) chỉ có 3 khổ, 12 câu thơ và câu kết. Một câu thơ mang tính chiêm nghiệm tổng kết, xuất hiện ở cả ba khổ thơ, đồng thời làm nhiệm vụ mở, kết bài thơ: Khổ 1 “*Yêu là chết ở trong lòng một ít*” - vì yêu mà chưa chắc được yêu, yêu nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu; khổ 2: “*Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu / Yêu là chết ở trong lòng một ít*”, khổ 3: “*Yêu là lạc lối giữa u sầu mù mịt, cảnh đời chỉ là sa mạc vô liêu, nên “Yêu là chỉ ở trong lòng một ít*”. Bài thơ dồn nén, đan cài, gắn kết, tô đậm cái bi kịch khi yêu. Câu thơ “*Yêu là chết ở trong lòng một ít*” lấy lại ở giữa bài như một đường chỉ khâu nối các khổ thơ nên kết cấu toàn bài càng bền chặt. Cùng cách kết cấu ấy, ở bài **Phải nói**, câu đầu và cuối lấy lại đến bốn lần: “*Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ*”. Có bài 2 câu kết lấy lại hai câu đầu: *Sương lan mờ, bờ sông tưởng gần nhau / Sương lan mờ, và lòng tôi nghe đau (Sương mờ) / và Bao nhiêu sâu, ôi sâu bao nhiêu / Khi yêu tình, khi theo mãi tình yêu (Yêu mến) và Mau với chú, vội vàng lên với chú / Em, em ơi, tình non đã già rồi (Giục già)* - có khác chút ít ở đầu bài “*Tình non đã già rồi*”, ở cuối bài thay chữ *đã* bằng chữ *sắp* - “*tình non sắp già rồi*”.

Những năm sau này, dù cuộc sống nhiều đổi thay, thực tại, thực tế sôi động khẩn trương, nhưng trong quá trình sáng tạo thơ, Xuân Diệu vẫn chú ý đến cách kết cấu toàn bài như thế, lấy lại câu thơ, có khi cả khổ thơ. Bài **Mũi Cà Mau** (tập **Mũi Cà Mau**), có bốn lần lấy lại câu thơ “*Tổ quốc tôi như một con tàu*”. Bài **Chào thầy giáo Phụng** ba lần lặp lại hai câu thơ mở đầu: *Đi qua Thác Bạc, Cầu Mây / Tự xa tôi đến nơi này chào anh*.

Câu kết thay chữ *xa* bằng chữ *xuôi*: “*Tự xuôi tôi đến nơi này chào anh*”, để lưu ý không phải tác giả ở Sa Pa lên mà từ miền xuôi, từ Hà Nội băng ngàn vượt suối lên cao này chào thầy giáo. Bài **Trên đỉnh non cao** (tập **Một khối hồng**), 3 câu kết lấy lại 3 câu mở đầu: *Trèo lên trên đỉnh non cao / Trên đỉnh non cao / Đôi tay ta nắm, anh chào Em, em*.

Bài thơ **Những đêm hành quân** (tập **Hai đợt sóng**), 4 câu kết lấy lại khổ thơ mở đầu: *Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi / Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu / Tôi sống với cuộc đời chiến đấu / Của triệu người yêu dấu gian lao*.

Đây là cách kết cấu hình thức chặt chẽ, mở bài và kết thúc bài đều là những câu thơ, đoạn thơ giống nhau về nghĩa, nhịp điệu, độ dài, cấu trúc, tạo cho bài thơ thành một vòng khép kín.

Bài **Biển** (tập **Cầm tay**) lại “toàn vẹn” theo cách khác. Ngoài việc lấy lại câu thơ đầu ở giữa bài: *Anh không xứng là biển xanh*, là lấy lại cặp từ anh - em, lấy lại các hình ảnh sóng đôi: biển và bờ, sóng biếc và bãi cát vàng, tượng trưng cho tình yêu say mê, nồng nhiệt. Xuân Diệu thường tâm sự: nếu chọn bài *hay nhất* trong thơ ông thì chọn **Lời kính, Nguyệt Cầm**, còn chọn bài *tiêu biểu nhất* của ông thì chọn bài **Biển**. Đúng, **Biển** rất tiêu biểu cho tâm hồn nhà thơ, là sự hóa thân cái tôi nhà thơ khao khát một tình yêu đắm say, rạo rực, mãnh liệt, vĩnh hằng, rất Xuân Diệu: *Anh không xứng là biển xanh / Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng*. Mong ước thiết tha: *Anh xin làm sóng biếc / Hôn mãi cát vàng em / Hôn thật khế thật êm / Hôn êm đềm mãi mãi... / Đến tan cả đất trời / Anh mới thôi dào dạt... Cũng có khi ào ạt - Như nghiêng nát bờ em*. Và kết thúc bài thơ: *Như hôn mãi ngàn năm không thôi / Bờ yêu bờ lấm lấm, em ơi!* Mọi tương giao giữa anh và em, biển và bờ, sóng biếc và bãi cát vàng luôn gắn kết, hòa điệu nhịp nhàng. Bài thơ triển khai nâng dần cảm xúc đến cao trào về một tình yêu đích thực, trần thế; và kết cấu hình thức cũng bền chặt như chính nội dung cảm hứng của thơ.

Như vậy kết cấu hình thức bài thơ của Xuân Diệu tạo điều kiện cho các chi tiết, hình ảnh, ngôn từ, ... tập trung làm nổi bật ý trung tâm bài thơ. Và điều đó cũng chính là nhà thơ đã xây dựng thành công những tứ thơ sáng tạo, nhiều biến hóa.

\* \* \*

Hành trình sáng tạo thơ của Xuân Diệu là một quá trình vận động, phát triển, gắn với tiến trình thơ Việt Nam hiện đại. Nghiên cứu thơ ông sẽ rút ra nhiều bài học sáng tác quý giá, những kinh nghiệm phong phú và bổ ích đối với các nhà thơ, một vấn đề có ý nghĩa đang đặt ra trong đời sống thơ, đời sống văn học hiện nay.

Đi sâu tìm hiểu những gì đặc sắc nhất, tiêu biểu nhất trong thơ ông cũng sẽ góp phần vào công tác giảng dạy, nghiên cứu, học tập tác gia Xuân Diệu ở các trường đại học, cao đẳng, phổ thông trung học, “*dạy cái hay, cái đẹp của văn và dạy bao nhiêu cái đẹp khác nữa, trong đó, về tâm hồn, về tư tưởng, về lối sống*”. □

**Tài liệu tham khảo**

- [1] Xuân Diệu (2004). *Toàn tập*. NXB Văn học.
- [2] Lưu Khánh Thơ (1999). *Xuân Diệu - Tác phẩm văn chương và lao động nghệ thuật*. NXB Giáo dục.